

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2014

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Đình Long	Chủ tịch
	Ông Trần Tuấn Dương	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Chủ tịch
	Ông Doãn Gia Cường	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Ngọc Quang	Thành viên
	Ông Tạ Tuấn Quang	Thành viên
	Ông Hoàng Quang Việt	Thành viên
	Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên
	Ông Andy Ho	Thành viên
Ông Hans Christian Jacobsen	Thành viên	
Ban Giám đốc	Ông Trần Tuấn Dương	Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc

Thông tin về Công ty

Công ty có tiền thân là Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp lần đầu số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26 tháng 10 năm 2001. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8 số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 9 tháng 1 năm 2007, Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh mới nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0900189284 ngày 11 tháng 6 năm 2014. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Kết quả hoạt động kinh doanh và cổ tức

Lợi nhuận thuần trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Công ty là 1.067.702 triệu VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013: 434.697 triệu VND).

Ngày 2 tháng 4 năm 2014, Hội đồng Quản trị của Công ty thông qua phương án chi tiết trả cổ tức năm 2013 cho các cổ đông bằng tiền theo tỷ lệ 15% trên mệnh giá với số tiền 628.579 triệu VND và 15% bằng cổ phiếu tương đương với 628.556 triệu VND. Phương án trả cổ tức này đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt vào ngày 28 tháng 3 năm 2014 và đã được trả trong kỳ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán của Công ty là Công ty TNHH KPMG.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết với Hội đồng Quản trị và các cổ đông của Công ty rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014. Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kể từ cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc



Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2014



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 8 năm 2014, được trình bày từ trang 5 đến 35. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 – Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính. Công tác này cung cấp một mức độ bảo đảm thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

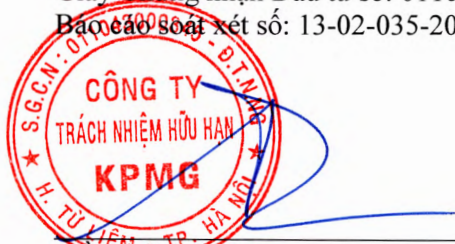
Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không nhận thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo soát xét số: 13-02-035-2014-a



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0306-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2014

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 01a – DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		378.539.260.798	201.097.764.521
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	345.963.582.783	60.290.195.658
Tiền	111		5.863.582.783	20.840.195.658
Các khoản tương đương tiền	112		340.100.000.000	39.450.000.000
Các khoản phải thu	130	5	25.457.807.336	128.592.415.445
Phải thu khách hàng	131		390.305.383	28.948.343
Trả trước cho người bán	132		19.023.609.666	5.175.741.768
Phải thu khác	135		6.043.892.287	123.387.725.334
Hàng tồn kho	140		533.334.986	435.117.672
Tài sản ngắn hạn khác	150		6.584.535.693	11.780.035.746
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		420.750.151	903.797.727
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		622.451.585	630.173.431
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	154		5.413.475.462	10.105.399.073
Tài sản ngắn hạn khác	158		127.858.495	140.665.515

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		7.913.982.041.027	8.197.853.334.631
Các khoản phải thu	210	5	-	448.979.590.000
Phải thu khác	218		-	448.979.590.000
Tài sản cố định	220		54.754.912.014	42.937.554.013
Tài sản cố định hữu hình	221	6	19.732.359.151	10.740.750.233
<i>Nguyên giá</i>	222		42.316.585.242	36.979.620.259
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(22.584.226.091)	(26.238.870.026)
Tài sản cố định vô hình	227	7	29.470.759.442	29.776.633.682
<i>Nguyên giá</i>	228		31.110.496.640	31.110.496.640
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.639.737.198)	(1.333.862.958)
Xây dựng cơ bản dở dang	230		5.551.793.421	2.420.170.098
Bất động sản đầu tư	240	8	228.537.250.882	235.017.927.286
<i>Nguyên giá</i>	241		259.227.056.200	259.227.056.200
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(30.689.805.318)	(24.209.128.914)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	9	7.628.698.437.533	7.468.698.437.533
Đầu tư vào công ty con	251		7.590.768.437.533	7.460.768.437.533
Đầu tư vào công ty liên kết	252		7.230.000.000	7.230.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		30.700.000.000	700.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		1.991.440.598	2.219.825.799
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.987.440.598	2.215.825.799
Tài sản dài hạn khác	268		4.000.000	4.000.000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		8.292.521.301.825	8.398.951.099.152

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		95.059.696.067	581.248.111.090
Nợ ngắn hạn	310		95.059.696.067	132.268.521.090
Vay ngắn hạn	311	11	22.500.000.000	100.000.000.000
Phải trả người bán	312		2.550.350.791	1.289.577.635
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314		40.961.558	62.793.357
Phải trả người lao động	315		460.265.280	891.695.000
Phải trả khác	319		1.530.816.601	3.276.824.458
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	12	67.977.301.837	26.747.630.640
Nợ dài hạn	330		-	448.979.590.000
Phải trả khác	333	13	-	448.979.590.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		8.197.461.605.758	7.817.702.988.062
Vốn chủ sở hữu	410	14	8.197.461.605.758	7.817.702.988.062
Vốn cổ phần	411	15	4.819.081.750.000	4.190.525.330.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	14	2.207.350.817.068	2.207.350.817.068
Quỹ dự phòng tài chính	418	14	151.441.755.750	151.441.755.750
Lợi nhuận chưa phân phối	420	14	1.019.587.282.940	1.268.385.085.244
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		8.292.521.301.825	8.398.951.099.152

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/6/2014	31/12/2013
Ngoại tệ (USD)	1.923	1.929
Nhận ủy thác đầu tư (VND)	448.979.590.000	-
Thực hiện đầu tư theo ủy thác (VND)	448.979.590.000	-

Người lập:



Hoàng Thị Thanh Hương
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lý Thị Ngân
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 02a – DN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
			30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Tổng doanh thu	01	17	16.086.480.000	16.061.400.000
Giá vốn hàng bán	11		6.480.676.404	6.480.676.404
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		9.605.803.596	9.580.723.596
Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	1.066.355.851.314	454.383.493.260
<i>Trong đó: lợi nhuận công ty con chuyển về</i>			<i>1.051.441.606.669</i>	<i>434.370.439.530</i>
Chi phí tài chính	22		382.314.445	25.140.061.569
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>382.314.445</i>	<i>25.140.061.569</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.039.930.038	13.561.811.532
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - 22 - 25}	30		1.062.539.410.427	425.262.343.755
Thu nhập khác	31	19	10.860.729.596	10.892.556.771
Chi phí khác	32		1.006.675.051	1.287.494.708
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		9.854.054.545	9.605.062.063
Lợi nhuận trước thuế TNDN (50 = 30 + 40)	50		1.072.393.464.972	434.867.405.818
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20	4.691.923.611	170.663.507
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		1.067.701.541.361	434.696.742.311

Người lập:



Hoàng Thị Thanh Hương
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lý Thị Ngân
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		1.072.393.464.972	434.867.405.818
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		9.584.797.519	9.883.308.930
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	(1.016.651)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.066.733.281.107)	(454.398.549.087)
Chi phí lãi vay	06		382.314.445	25.140.061.569
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		15.627.295.829	15.491.210.579
Biến động các khoản phải thu	09		(14.668.134.699)	2.278.371.159
Biến động hàng tồn kho	10		(98.217.314)	(4.165)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		217.571.343	(15.082.575.301)
Biến động chi phí trả trước	12		711.432.777	1.899.491.370
Tiền lãi vay đã trả	13		(1.404.231.111)	(10.574.760.330)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(18.134.452.968)	(6.471.741.844)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(17.748.736.143)	(12.460.008.532)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(14.944.049.323)	(25.520.700.000)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		400.000.000	300.000.000
Tiền chi cho các công ty con vay	23		(40.000.000.000)	-
Tiền thu hồi các khoản vay từ các công ty con	24		10.000.000.000	353.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(130.000.000.000)	(584.990.000.000)
Tiền thu lãi cho vay và lợi nhuận từ các công ty con	27		1.183.915.114.091	302.486.740.481
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.009.371.064.768	45.276.040.481

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
			30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33		162.850.000.000	114.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(240.350.000.000)	(42.000.000.000)
Tiền trả cổ tức	36		(628.448.941.500)	(37.923.050)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(705.948.941.500)	71.962.076.950
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		285.673.387.125	104.778.108.899
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		60.290.195.658	257.805.636.347
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		-	1.495.041
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	345.963.582.783	362.585.240.287

Người lập:



Hoàng Thị Thanh Hương
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lý Thị Ngân
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 09a – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là:

- cho thuê văn phòng; và
- đầu tư tài chính.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có 72 nhân viên (31/12/2013: 65 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

2.1 Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

2.2 Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ được lập theo phương pháp gián tiếp.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

3.1 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

3.3 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng trong kỳ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

3.5 Tài sản cố định hữu hình

(a) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(b) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 – 7 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 3 – 10 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 – 10 năm |

3.6 Tài sản cố định vô hình

(a) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất được ghi nhận trong giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất với thời hạn không xác định không được khấu hao.

(b) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 6 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

3.7 Bất động sản đầu tư

(a) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(b) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 20 năm

3.8 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ và dụng cụ và chi phí sửa chữa văn phòng, các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 - 4 năm.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”).

3.9 Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

3.10 Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

3.11 Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(a) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(b) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh cho các báo cáo tài chính riêng và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

3.12 Thuế thu nhập

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

3.13 Doanh thu và thu nhập khác

(a) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(b) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(c) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

3.14 Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

3.15 Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

3.16 Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, các nhân viên quản lý chủ chốt của Công ty, các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này và các công ty con và công ty liên kết của Công ty và của các cá nhân này.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	505.135.415	58.657.989
Tiền gửi ngân hàng	5.358.447.368	20.781.537.669
Các khoản tương đương tiền	340.100.000.000	39.450.000.000
	<hr/>	<hr/>
	345.963.582.783	60.290.195.658
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

5. Các khoản phải thu

Trong các khoản phải thu ngắn hạn có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải thu từ các bên liên quan – các công ty con		
Phi thương mại	538.539.324	123.218.217.605
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu phi thương mại ngắn hạn từ các công ty con không được bảo đảm, không chịu lãi và có thể thu được khi có nhu cầu.

Phải thu ngắn hạn khác gồm:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền lãi dự thu	5.561.383.057	120.645.834
Lợi nhuận chuyển về từ một công ty con	-	123.000.000.000
Phải thu khác	482.509.230	267.079.500
	<hr/>	<hr/>
	6.043.892.287	123.387.725.334
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Phải thu dài hạn khác gồm:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Khoản ủy thác đầu tư (*)	-	448.979.590.000

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, khoản nhận ủy thác đầu tư phản ánh số tiền Công ty đầu tư vào Công ty CP Phát triển Đô thị Vinaconex-Viettel do sự ủy thác của Công ty CP Bất động sản Hòa Phát Á Châu. Số tiền này tương ứng với số tiền nhận ủy thác đầu tư đang được phản ánh trên khoản mục phải trả dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Thuyết minh 13). Ban Giám đốc Công ty xác định lại khoản đầu tư này không thuộc tài sản của Công ty. Mọi trách nhiệm, rủi ro, tổn thất cũng như mức sinh lời của khoản đầu tư này đều không thuộc về Công ty. Vì vậy, khoản đầu tư này được phản ánh như một tài khoản ngoại bảng.

6. Tài sản cố định hữu hình

	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	13.009.232.506	1.447.945.455	22.522.442.298	36.979.620.259
Tăng trong kỳ	65.026.000	-	11.747.400.000	11.812.426.000
Thanh lý	-	-	(6.475.461.017)	(6.475.461.017)
Số dư cuối kỳ	13.074.258.506	1.447.945.455	27.794.381.281	42.316.585.242
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	8.317.097.915	397.402.933	17.524.369.178	26.238.870.026
Khấu hao trong kỳ	864.921.983	113.863.248	1.819.461.644	2.798.246.875
Thanh lý	-	-	(6.452.890.810)	(6.452.890.810)
Số dư cuối kỳ	9.182.019.898	511.266.181	12.890.940.012	22.584.226.091
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	4.692.134.591	1.050.542.522	4.998.073.120	10.740.750.233
Số dư cuối kỳ	3.892.238.608	936.679.274	14.903.441.269	19.732.359.151

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 có các tài sản với nguyên giá 6.583 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2013: 2.490 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

7. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	28.755.408.500	2.355.088.140	31.110.496.640
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	1.333.862.958	1.333.862.958
Khấu hao trong kỳ	-	305.874.240	305.874.240
Số dư cuối kỳ	-	1.639.737.198	1.639.737.198
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	28.755.408.500	1.021.225.182	29.776.633.682
Số dư cuối kỳ	28.755.408.500	715.350.942	29.470.759.442

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

8. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	259.227.056.200
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	24.209.128.914
Khấu hao trong kỳ	6.480.676.404
Số dư cuối kỳ	30.689.805.318
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	235.017.927.286
Số dư cuối kỳ	228.537.250.882

Bất động sản đầu tư của Công ty là tòa nhà văn phòng tại số 39 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Tại ngày báo cáo, Công ty không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định chính xác giá trị hợp lý cho loại bất động sản đầu tư này.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, bất động sản đầu tư với giá trị còn lại là 228.537 triệu VND (31/12/2013: 235.018 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của một công ty con của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2014			31/12/2013		
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Số tiền đã đầu tư VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Số tiền đã đầu tư VND
Đầu tư dài hạn vào:						
▪ Công ty con						
• Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát	99,72%	99,72%	179.500.000.000	99,72%	99,72%	179.500.000.000
• Công ty CP Nội thất Hòa Phát	99,60%	99,60%	398.400.000.000	99,60%	99,60%	398.400.000.000
• Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	99,91%	99,91%	549.500.000.000	99,89%	99,89%	449.500.000.000
• Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	99,67%	99,67%	149.500.000.000	99,67%	99,67%	149.500.000.000
• Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	99,67%	99,67%	299.000.000.000	99,67%	99,67%	299.000.000.000
• Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát	99,00%	99,00%	49.500.000.000	99,00%	99,00%	49.500.000.000
• Công ty CP Thép Hòa Phát	92,00%	92,00%	2.331.937.200.000	92,00%	92,00%	2.331.937.200.000
• Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông	99,96%	99,96%	845.030.800.000	99,96%	99,96%	845.030.800.000
• Công ty CP Golden Gain Việt Nam	84,95%	84,95%	729.910.437.533	84,95%	84,95%	729.910.437.533
• Công ty CP Năng lượng Hòa Phát	99,89%	99,89%	1.238.350.000.000	99,89%	99,89%	1.238.350.000.000
• Công ty TNHH Một thành viên Thép Hòa Phát	100%	100%	600.000.000.000	100%	100%	600.000.000.000
• Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát	99,80%	99,80%	190.140.000.000	99,80%	99,80%	190.140.000.000
• Công ty TNHH MTV Khoáng sản Nam Giang (*)	100%	100%	30.000.000.000	-	-	-
			7.590.768.437.533			7.460.768.437.533
▪ Công ty liên kết						
• Công ty CP Khai khoáng Hòa Phát SSG	38%	38%	5.730.000.000	38%	38%	5.730.000.000
• Công ty CP Đầu tư và Khai thác Khoáng sản Yên Phú	50%	50%	1.500.000.000	50%	50%	1.500.000.000
			7.230.000.000			7.230.000.000
Các khoản đầu tư dài hạn khác (**)						
			30.700.000.000			700.000.000
			7.628.698.437.533			7.468.698.437.533

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN**

Các công ty con và công ty liên kết được thành lập tại Việt Nam.

(*) Đây là một công ty con mới thành lập trong kỳ.

(**) Các khoản đầu tư dài hạn khác gồm:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty CP Phát triển Đô thị Bắc Hà Nội (***)	700.000.000	700.000.000
Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông (****)	16.000.000.000	-
Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát (****)	14.000.000.000	-
	<hr/>	
	30.700.000.000	700.000.000
	<hr/> <hr/>	

(***) Đây là khoản đầu tư vốn dài hạn với tỷ lệ vốn góp thực tế dưới 20%.

(****) Đây là khoản cho vay bằng VND, không được đảm bảo cấp cho các công ty con của Công ty và trong kỳ chịu lãi suất cố định 6% một năm.

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	1.103.791.126	1.112.034.673	2.215.825.799
Tăng trong kỳ	285.502.707	143.234.909	428.737.616
Phân bổ trong kỳ	(409.557.052)	(247.565.765)	(657.122.817)
	<hr/>		
Số dư cuối kỳ	979.736.781	1.007.703.817	1.987.440.598
	<hr/> <hr/>		

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

11. Vay ngắn hạn

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn	22.500.000.000	100.000.000.000

Vay ngắn hạn hệ hiện khoản vay bằng VND, không được đảm bảo, từ một công ty con của Công ty với lãi suất cố định 5% (2013: 6%) một năm.

12. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ/năm như sau:

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ/năm	26.747.630.640	13.763.571.895
Trích lập trong kỳ/năm	59.314.124.165	39.986.166.700
Sử dụng trong kỳ/năm	(18.084.452.968)	(27.002.107.955)
Số dư cuối kỳ/năm	67.977.301.837	26.747.630.640

13. Phải trả dài hạn khác

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Khoản nhận ủy thác đầu tư (*)	-	448.979.590.000

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, khoản nhận ủy thác đầu tư phản ánh số tiền Công ty nhận ủy thác đầu tư từ Công ty Cổ phần Bất động sản Hòa Phát Á Châu để đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Vinaconex-Viettel. Ban Giám đốc Công ty xác định lại khoản đầu tư này không thuộc tài sản của Tập đoàn. Mọi trách nhiệm, rủi ro, tổn thất cũng như mức sinh lời của khoản đầu tư này đều không thuộc về Công ty. Vì vậy, khoản đầu tư này được phản ánh như một tài khoản ngoại bảng (Thuyết minh 5).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****14. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	4.190.525.330.000	2.207.350.817.068	86.611.964.000	498.213.741.705	6.982.701.852.773
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	434.696.742.311	434.696.742.311
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(14.054.250.000)	(14.054.250.000)
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(1.194.000.000)	(1.194.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	4.190.525.330.000	2.207.350.817.068	86.611.964.000	917.662.234.016	7.402.150.345.084
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	4.190.525.330.000	2.207.350.817.068	151.441.755.750	1.268.385.085.244	7.817.702.988.062
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	1.067.701.541.361	1.067.701.541.361
Trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 16)	628.556.420.000	-	-	(628.556.420.000)	-
Cổ tức (Thuyết minh 16)	-	-	-	(628.578.799.500)	(628.578.799.500)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(59.314.124.165)	(59.314.124.165)
Thù lao thành viên Ban Kiểm soát	-	-	-	(50.000.000)	(50.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	4.819.081.750.000	2.207.350.817.068	151.441.755.750	1.019.587.282.940	8.197.461.605.758

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

15. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2014		31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	481.908.175	4.819.081.750.000	419.052.533	4.190.525.330.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	481.908.175	4.819.081.750.000	419.052.533	4.190.525.330.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	481.908.175	4.819.081.750.000	419.052.533	4.190.525.330.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động của số cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ/năm như sau:

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2014		Năm kết thúc ngày 31/12/2013	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu kỳ/năm	419.052.533	4.190.525.330.000	419.052.533	4.190.525.330.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	62.855.642	628.556.420.000	-	-
Số dư cuối kỳ/năm	481.908.175	4.819.081.750.000	419.052.533	4.190.525.330.000

16. Cổ tức

Ngày 2 tháng 4 năm 2014, Hội đồng Quản trị của Công ty thông qua phương án trả cổ tức năm 2013 cho các cổ đông bằng tiền theo tỷ lệ 15% trên mệnh giá với số tiền 628.579 triệu VND và 15% bằng cổ phiếu tương đương với 628.556 triệu VND. Phương án trả cổ tức này đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt vào ngày 28 tháng 3 năm 2014 và đã được trả trong kỳ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

17. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị cho thuê tài sản không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

18. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014	30/6/2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	14.914.244.645	20.012.037.079
Lợi nhuận nhận được từ các công ty con	1.051.441.606.669	434.370.439.530
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.016.651
	<hr/>	<hr/>
	1.066.355.851.314	454.383.493.260
	<hr/>	<hr/>

19. Thu nhập khác

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014	30/6/2013
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	400.000.000	300.000.000
Thu phí bảo lãnh cho khoản vay của các công ty con	7.500.000.000	7.500.000.000
Thu nhập từ cho thuê tài sản	874.320.000	1.159.485.000
Thu nhập khác	2.086.409.596	1.933.071.771
	<hr/>	<hr/>
	10.860.729.596	10.892.556.771
	<hr/>	<hr/>

20. Thuế thu nhập

20.1 Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014	30/6/2013
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)		
hiện hành		
Kỳ hiện hành	4.690.313.065	172.274.053
Thuế TNDN trích thiếu/(thừa) các kỳ trước	1.610.546	(1.610.546)
	<hr/>	<hr/>
	4.691.923.611	170.663.507
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

20.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	1.072.393.464.972	434.867.405.818
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
Lợi nhuận nhận được từ các công ty con (sau thuế TNDN)	(1.051.441.606.669)	(434.370.439.530)
Chi phí không được khấu trừ	367.746.537	192.129.924
Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	21.319.604.840	689.096.212
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	4.690.313.065	172.274.053
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.690.313.065	172.274.053
Thuế TNDN nộp thừa đầu kỳ	(10.094.029.899)	(11.355.454.308)
Thuế TNDN trích thiếu/(thừa) các kỳ trước	1.610.546	(1.610.546)
Thuế TNDN nộp thừa cuối kỳ	(5.402.106.288)	(11.184.790.801)

20.3 Thuế suất áp dụng

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 22% trên lợi nhuận tính thuế (giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2013: 25%).

Theo quy định của Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu nhập Doanh Nghiệp ngày 19 tháng 6 năm 2013, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015 và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

21. Các công cụ tài chính

21.1 Quản lý rủi ro tài chính

(a) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(b) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

21.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng và phát sinh chủ yếu từ các khoản tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng và các hợp đồng bảo lãnh đã phát hành.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính và giá trị của các hợp đồng bảo lãnh tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(i)	345.458	60.232
Đầu tư tài chính dài hạn khác	(ii)	30.000	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(iii)	6.434	123.417
Hợp đồng bảo lãnh đã phát hành (Thuyết minh 24.3)	(iv)	2.232.000	2.232.000
		<hr/>	<hr/>
		2.613.892	2.415.649

(i) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng và các công ty con của Công ty. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính và các công ty con này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) Đầu tư tài chính dài hạn khác

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác của Công ty là các khoản vay cấp cho các công ty con. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản đầu tư này và không cho rằng các công ty này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(iii) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra quyết định thực hiện các giao dịch với khách hàng đó. Hạn mức nợ và thời hạn trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Ban Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Không có khoản phải thu nào đã quá hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (31/12/2013: Không).

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Ban Giám đốc tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2014.

(iv) Hợp đồng bảo lãnh đã phát hành

Công ty có chính sách chỉ bảo lãnh tài chính cho các công ty con.

21.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Tại ngày báo cáo, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Dòng tiền theo hợp đồng Triệu VND	Trong vòng 1 năm Triệu VND
Ngày 30 tháng 6 năm 2014			
Phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác	4.081	4.081	4.081
Vay ngắn hạn	22.500	22.597	22.597
	26.581	26.678	26.678
Ngày 31 tháng 12 năm 2013			
Phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác	4.566	4.566	4.566
Vay ngắn hạn	100.000	106.000	106.000
	104.566	110.566	110.566

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

21.4 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường như lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính	370.100	39.450
Nợ phải trả tài chính	(22.500)	(100.000)
	347.600	(60.550)

Do đó, biến động lãi suất không ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

21.5 Giá trị hợp lý

(a) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán riêng, như sau:

	30/6/2014		31/12/2013	
	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	345.964	345.964	60.290	60.290
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.434	6.434	123.417	123.417
- Các tài sản tài chính khác	30.000	30.000	-	-
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Phải trả người bán và phải trả khác	(4.081)	(4.081)	(4.566)	(4.566)
- Các khoản vay	(22.500)	(22.500)	(100.000)	(100.000)
	355.817	355.817	79.141	79.141

(b) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các tài sản tài chính và các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các tài sản tài chính và các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

22. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	628.556.420.000	-
Chuyển từ khoản phải thu khác từ một công ty con sang đầu tư dài hạn vào công ty con này	-	100.000.000.000
Cần trừ khoản vay dài hạn từ một Công ty con và khoản phải thu khác từ công ty con này	-	79.400.000.000
Chuyển từ khoản vay cấp cho một công ty con sang đầu tư dài hạn vào công ty con này	-	15.000.000.000

23. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Công ty con		
Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát		
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	16.916.547.623	12.093.446.949
Công ty CP Nội thất Hòa Phát		
Các khoản cho vay	24.000.000.000	49.700.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	24.000.000.000	32.100.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	65.468.524.055	88.243.613.500
Công ty TNHH Ông thép Hòa Phát		
Các khoản cho vay	25.471.665.857	209.100.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	25.471.665.857	81.500.000.000
Các khoản đi vay	89.850.000.000	-
Thanh toán gốc đi vay	89.850.000.000	-
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	118.178.334.143	143.134.425.108
Góp vốn	100.000.000.000	100.000.000.000
Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát		
Các khoản cho vay	14.000.000.000	-
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	23.473.710.501	2.300.000.000
Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát		
Các khoản đi vay	15.000.000.000	-
Thanh toán gốc đi vay	15.000.000.000	-
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	13.418.047.842	9.175.236.525

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

	Giá trị giao dịch cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Công ty CP Thép Hòa Phát		
Các khoản cho vay	12.700.000.000	15.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	12.700.000.000	-
Thanh toán gốc đi vay	100.000.000.000	-
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	275.994.000.000	-
Góp vốn	-	499.990.000.000
Phí bảo lãnh nhận được	6.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông		
Các khoản cho vay	16.000.000.000	85.000.000.000
Góp vốn	-	100.000.000.000
Công ty TNHH MTV Thép Hòa Phát		
Các khoản đi vay	32.500.000.000	-
Thanh toán gốc đi vay	10.000.000.000	-
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	166.467.442.505	79.533.717.448
Công ty CP Golden Gain Việt Nam		
Nhận thanh toán gốc cho vay	-	300.000.000.000
Các khoản đi vay	25.500.000.000	-
Thanh toán gốc đi vay	25.500.000.000	-
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	148.843.000.000	-
Công ty CP Năng lượng Hoà Phát		
Nhận thanh toán gốc cho vay	-	43.000.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	219.758.000.000	99.890.000.000
Phí bảo lãnh nhận được	1.500.000.000	-
Công ty CP Khoáng Sản Hòa Phát		
Các khoản cho vay	20.000.000.000	-
Nhận thanh toán gốc cho vay	20.000.000.000	10.000.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	2.924.000.000	-
Công ty TNHH MTV Khoáng Sản Nam Giang		
Góp vốn	30.000.000.000	-
Thành viên Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị		
Lương và thưởng	949.007.152	470.470.010
Thù lao	1.602.000.000	1.194.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

24. Cam kết

24.1 Cam kết góp vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết góp vốn sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Công ty CP Khai khoáng Hòa Phát SSG	5.670.000.000	5.670.000.000
Công ty CP Đầu tư và Khai thác Khoáng sản Yên Phú	13.500.000.000	13.500.000.000
	<hr/>	<hr/>
	19.170.000.000	19.170.000.000
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

24.2 Cam kết hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trong vòng một năm	684.547.600	684.547.600
Trong vòng hai đến năm năm	3.422.736.000	3.422.736.000
Sau năm năm	17.113.679.000	17.455.953.200
	<hr/>	<hr/>
	21.220.962.600	21.563.236.800
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

24.3 Cam kết bảo lãnh

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty con như sau:

- Công ty đã bảo lãnh cho các khoản phải trả gốc vay và các hợp đồng thu tín dụng (“L/C”) đến hạn thanh toán của Công ty CP Năng lượng Hòa Phát, với Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ Việt Nam với số tiền tối đa là 600.000 triệu VND (31/12/2013: 600.000 triệu VND). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty CP Năng lượng Hòa Phát còn vay 106.784 triệu VND tại Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (31/12/2013: 181.525 triệu VND).
- Công ty đã bảo lãnh cho các khoản phải trả gốc vay và các hợp đồng L/C đến hạn thanh toán của Công ty CP Thép Hòa Phát, với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam với số tiền tối đa là 700.000 triệu VND (31/12/2013: 700.000 triệu VND) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam với số tiền tối đa là 500.000 triệu VND (31/12/2013: 500.000 triệu VND). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty CP Thép Hòa Phát còn vay 406.098 triệu VND tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (31/12/2013: 416.513 triệu VND) và 290.073 triệu VND tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (31/12/2013: 297.509 triệu VND).
- Công ty đã bảo lãnh cho các khoản phải trả gốc vay đến hạn thanh toán của Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông, với Ngân hàng TNHH Indovina với số tiền tối đa là 300.000 triệu VND (31/12/2013: 300.000 triệu VND) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam với số tiền tối đa là 132.000 triệu VND (31/12/2013: 132.000 triệu VND). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông còn vay 28.282 triệu VND tại Ngân hàng TNHH Indovina (31/12/2013: 56.505 triệu VND) và 88.628 triệu VND tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (31/12/2013: 102.263 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

25. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014	30/6/2013
	VND	VND
Chi phí nhân công	3.926.546.925	3.364.803.990
Chi phí khấu hao	9.584.797.519	9.883.308.930
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.924.886.096	1.564.668.480
Chi phí khác	4.084.375.902	5.229.706.536

Người lập:



Hoàng Thị Thanh Hương
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lý Thị Ngân
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc